

Bản án số: 764/2020/DSPT

Ngày: 12/8/2020

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Việt Hồng

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Ông Lại Huỳnh Tú

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Thế Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 149/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3289/2020/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7474/2020/QĐPT-DS, ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Đường L, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Bị đơn:*

1/ **Bà Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Chung cư A, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(vắng mặt)

2/ **Ông Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1960

3/ **Ông Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền cho ông T1, ông K: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Đường N, phường Đ, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)  
(Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Ông Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã B, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ **Ông Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1952

Địa chỉ: Đường L, phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ **Bà Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: 153/3 Huỳnh Văn Bánh, phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ tạm trú: Đường Q, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ **Bà Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đường S, khu phố B, phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông N, bà L, ông T2: **Bà Nguyễn Thị Kim T**. (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng 37283 và 37284 chứng nhận ngày 02/12/2013 và số công chứng 2455 chứng nhận ngày 17/02/2020)

5/ **Ông Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền cho T3: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Đường N, phường Đ, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020)

6/ **Bà Trần Thị H**, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

7/ **Ông Nguyễn Trung Q**, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2013 của bà Nguyễn Thị T và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1917, chết năm 1977) và ông Phan Thị X (sinh năm 1924, chết năm 1987) có 09 người con chung: bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1947), ông Nguyễn Văn T2 (sinh

năm 1949), ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1952), bà Nguyễn Thị Kim T (sinh năm 1959), ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1960), ông Nguyễn Văn K (sinh năm 1962), ông Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1965), bà Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị Ngọc L (sinh năm 1969). Ông T4 và bà X không có con nuôi hoặc con riêng. Khi còn sống hai ông bà tạo lập được một khối tài sản là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 2290/2003 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/2003, diện tích 86,2 m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị Ngọc H là đại diện thừa kế. Ông T4 và bà X chết không để lại di chúc, khối tài sản trên của hai ông bà do ông T1 và ông K trực tiếp quản lý. Nay bà T yêu cầu Tòa án chia tài sản là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho 09 anh chị em theo quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu được nhận 1/9 giá trị nhà.

Cha mẹ của ông Nguyễn Văn T4 là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Đ; cha mẹ của bà Phan Thị X là ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị N, tất cả đều đã chết trước ông T4 và bà X và chết không rõ năm.

Bà T tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá. Trong quá trình quản lý, sử dụng căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông N có bỏ ra một khoản chi phí để sửa chữa nhà. Ngoài ra, ông K, bà H và ông T1 cũng có sửa chữa nhỏ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với trị giá của căn nhà của Hội đồng định giá và không bổ sung chứng cứ nào khác.

*Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải; Quyết định định giá, triệu tập chứng kiến việc định giá và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do.*

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn K có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, chỉ dựa vào lời khai của nguyên đơn, không xem xét thẩm định tại chỗ lấy ý kiến của từng cá nhân có liên quan đến vụ án qua đó, tuyên xử bản án không khách quan ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của ông T1 cụ thể: Tháng 4/2017, ông T3 bỏ ra một số tiền để sửa chữa lại căn nhà để sinh hoạt như hiện nay bao gồm: Tháo dỡ những phần bị mối mọt ở sàn gỗ và những phần bị mục nát ở mái, thay đà, đòn tay, thay một số ván sàn, thay mới, lợp lại mái tôn, làm mới hệ thống điện, đèn chiếu sáng cả nhà, đóng trần la phong phòng thờ, la phong tầng trệt. Đến 6/2015 ông T1 lại tiếp tục bỏ tiền ra sửa chữa ngôi nhà trên bao gồm: Xây cột gạch gác kèo, thay đòn tay, thay mới, lợp lại mái tôn cho phần bếp, thay một phần tôn bị mục, mua mới, lắp cửa sắt kéo, làm mới hệ thống nước, hút hầm

cầu, sơn bảo vệ mái mỗi năm nhưng do thời gian quá lâu ông T1 không giữ lại các hóa đơn cũng như các chứng từ liên quan về việc đã sửa chữa nhà. Tổng cộng hai lần ông T1 bỏ tiền ra sửa chữa nhà là 500.000.000 đồng. Nay ông T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cho ông T1.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn K có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Căn nhà thừa kế do cha mẹ để lại là nhà tôn cũ được xây dựng từ trước năm 1970 và ông T3 có bỏ ra một số tiền để xây dựng lại căn nhà như hiện nay cũng như bỏ tiền để làm giấy tờ cho ngôi nhà này và ông T1 cũng bỏ tiền để xây dựng cho ngôi nhà này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử khi phân chia di sản thừa kế phải xem xét đến phần đóng góp xây dựng của ông T1 và ông T3. Ngoài ra ông K không có ý kiến gì khác.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Các ông bà đều thống nhất với lời trình bày của bà T, ông T4 và bà X có tất cả 09 người con, không có con nuôi hay con riêng, ông T4 và bà X chết không để lại di chúc. Bà T đại diện cho ông T2, ông N và bà L yêu cầu chia thừa kế là căn nhà cho 09 anh chị em và xin được nhận trị giá nhà. Các ông bà thống nhất với trị giá căn nhà mà Hội đồng định giá đã định giá.

*Tại phiên tòa sơ thẩm ông N trình bày:* Ông có bỏ một khoản tiền để sửa chữa nhà để các anh em cùng sử dụng nhưng ông không có yêu cầu anh chị em hoàn lại số tiền mà ông đã bỏ ra sửa chữa, ông cũng xin chia căn nhà cho 09 anh chị em và xin nhận 1/9 giá trị căn nhà.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Thực tế căn nhà do cha mẹ để lại đã được xây dựng từ trước năm 1970, đến tháng 8 năm 1987 ông T3 bỏ tiền ra để xây lại căn nhà này bao gồm: Làm móng, đúc cột, đổ bê tông ban công mặt tiền và phòng thờ cúng, đổ đất, nâng nền cao hơn mặt đường, đặt lại toàn bộ hệ thống cống xả, hút hầm cầu, làm lại hệ thống cấp nước sạch, lát gạch bông, lợp lại mái tôn, xây tô tường ngăn thành các phòng dưới tầng trệt và đóng vách gỗ ngăn phòng ngủ trên lầu...đến tháng 9 năm 2003 ông T3 bỏ tiền ra để làm sổ hồng cho căn nhà này. Do thời gian quá lâu nên ông T3 không còn giữ các chứng từ liên quan cho việc sửa chữa nhà và làm sổ hồng. Số tiền ông T3 bỏ ra để giữ gìn và tôn tạo ngôi nhà trên tính theo giá trị hiện nay là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng. Ông T3 đề nghị hủy bản án sơ thẩm và khi chia thừa kế ngôi nhà trên phải xem xét đến số tiền ông T3 bỏ ra để sửa chữa nhà và làm sổ hồng cho ngôi nhà trên.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trung Q, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải; Quyết*

*định định giá, triệu tập chứng kiến việc định giá và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 149/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X:

Hàng thừa kế thứ nhất ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Xác định di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, được chia đều cho 09 đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Kỳ phần mỗi người được hưởng là 1.188.356.877 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn lại chi phí sửa chữa nhà .

4. Giành quyền khởi kiện về việc đòi tài sản cho ông K, ông T1, và bà H đối với các đồng thừa kế trong vụ án dân sự khác .

5. Mọi khoản chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển dịch đối với tài sản (nếu có) nêu trên, các ông bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải chịu theo tỷ lệ mà mình được hưởng.

6. Chi phí thẩm định và định giá tài sản: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bà T tự nguyện chịu.

Nếu quá thời hạn 03 tháng mà đương sự không thống nhất thực hiện được việc bán nhà thì các đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/4/2010, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 149/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho 09 anh chị em theo quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu được nhận 1/9 giá trị nhà.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần và Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn K có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T yêu cầu khi chia di sản thừa kế căn nhà và đất do cha mẹ để lại Tòa án nên xem xét đến phần công sức đóng góp của ông T1 và ông T3.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu: chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho 09 anh chị em theo quy định của pháp luật và xin được nhận trị giá nhà. Các ông bà thống nhất với trị giá căn nhà mà Hội đồng định giá đã định giá. Riêng ông N trình bày ông có bỏ một khoản tiền để sửa chữa nhà để các anh em cùng sử dụng nhưng ông không có yêu cầu anh chị em hoàn lại số tiền mà ông đã bỏ ra sửa chữa, ông cũng xin chia căn nhà cho 09 anh chị em và xin nhận 1/9 giá trị căn nhà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T yêu cầu:* Khi chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại Tòa án nên xem xét số tiền ông T3 bỏ ra để xây dựng và sửa chữa nhà cũng như làm giấy tờ nhà là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng hoặc hủy bản án sơ thẩm để xem xét vụ án cho khách quan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trung Q:* Vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần và Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 149/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chia tỷ lệ 1/9 tại thời điểm phát mãi sau khi trừ đi các chi phí phát mãi.

- Về án phí: Do bản án sơ thẩm không sửa về đường lối nên án phí DSST giữ nguyên; án phí DSPT ông Nguyễn Tấn T3 phải chịu theo luật định.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các bên đương sự đủ cơ sở để xác định: Ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X có 09 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1949; ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1949; ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968; ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1969. Ngoài ra, ông T4 và bà X không có con riêng, con nuôi và căn cứ vào Tờ tường trình về quan hệ nhân thân do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Phú Nhuận cung cấp (BL 176). Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn T2; ông Nguyễn Văn N; ông Nguyễn Văn T1; bà Nguyễn Thị Kim T; ông Nguyễn Văn K; bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L là con chung của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là có cơ sở.

[2]. Căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của các đương sự và các chứng cứ thu thập có đủ cơ sở để xác định: Vào thời điểm ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1977) và bà Phan Thị X (chết năm 1987) thì cha mẹ của ông T4 và bà X đều đã chết trước hai ông bà. Ngoài ra, ông T4 và bà X không có con riêng, con nuôi và chết không để lại di chúc. Căn cứ Công văn số 176/TNMT ngày 16/4/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận Phú Nhuận (BL 228), Công văn số 894/VPĐK-CNPN ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Phú Nhuận (BL 233) thì nguồn gốc căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1977) và bà Phan Thị X (chết năm 1987) và do bà Nguyễn Thị Ngọc H là đại diện thừa kế theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2290/2003 ngày 22/9/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận cấp, đã trước bạ ngày 16/01/2004 là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần tương đương với 1/9 (*Một phần chín*) trị giá căn nhà và đất tại số: Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ pháp luật.

[3]. Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Hồng T đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn K cho rằng Ông T1 có bỏ ra số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng để sửa chữa lại căn nhà nhưng không có hóa đơn chứng từ chứng minh cho việc sửa chữa nhà. Hội đồng

xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã xét xử vắng mặt ông. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc ông bỏ ra số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho việc sửa chữa nhà. Do đó, yêu cầu của ông T1 không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4]. Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Hồng T đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T3 cho rằng: Ông T3 có bỏ ra số tiền là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng để sửa chữa, nâng cấp ngôi nhà, làm giấy tờ nhà nhưng ông T3 cũng không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ chứng minh cho việc sửa chữa nhà. Do đó, yêu cầu của ông T3 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5]. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn lại chi phí sửa chữa nhà.

[6]. Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện “Đòi tài sản” cho ông K, ông T1, Ông T3, bà H đối với các đồng thừa kế trong vụ án dân sự khác.

[7]. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định do không thể chia đều diện tích căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho 09 anh chị em. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ theo kết luận của Hội đồng định giá ngày 26/8/2019 di sản thừa kế trên có giá trị quyền sử dụng đất là 10.344.000.000 đồng (*Mười tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng*), giá trị xây dựng nhà là 351.211.901 đồng (*Ba trăm năm mươi một triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm lẻ một đồng*), tổng cộng là 10.695.211.901 đồng (*Mười tỉ sáu trăm chín mươi lăm triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm lẻ một đồng*). Hội đồng định giá xác định đây là giá thị trường tại thời điểm định giá, cấp sơ thẩm đã tuyên: Xác định di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là căn nhà số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, được chia đều cho 09 đồng thừa kế gồm: bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Kỳ phần mỗi người được hưởng là 1.188.356.877 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*) là có căn cứ.

Xét, việc kháng cáo của ông T3 trừ đi khoản tiền ông đã bỏ ra xây dựng là 1.300.000.000 đồng trước khi chia đều cho các đồng thừa kế hoặc hủy bản án sơ thẩm là chưa có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án chia đều di sản thừa kế sau khi trừ đi các chi phí phát mãi. Đây là tình tiết mới nên việc sửa án sơ thẩm không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.



Về án phí phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 Không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014:

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn T3.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 149/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X: Hàng thừa kế thứ nhất ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

4. Xác định di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị X là căn nhà và đất tại địa chỉ: Số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 2290/2003 ngày 22/9/2003 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp, đã trước bạ ngày 16/01/2004 cho 09 đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị T; Ông Nguyễn Văn T2; Ông Nguyễn Văn N; Ông Nguyễn Văn T1; Bà Nguyễn Thị Kim T; Ông Nguyễn Văn K; Bà Nguyễn Thị Ngọc H; Ông Nguyễn Văn T3; Bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Mỗi thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị T; Ông Nguyễn Văn T2; Ông Nguyễn Văn N; Ông Nguyễn Văn T1; Bà Nguyễn Thị Kim T; Ông Nguyễn Văn K; Bà Nguyễn Thị Ngọc H; Ông Nguyễn Văn T3; Bà Nguyễn Thị Ngọc L sẽ được chia đều căn nhà nêu trên trị giá mỗi kỹ phần là 1/9.

Giao cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tổ chức phát mãi căn nhà và đất tại địa chỉ: Số Đường T, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí phát mãi và chi phí phát sinh khác (nếu có). Số tiền còn lại sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế nêu trên mỗi người được hưởng 1/9 về căn nhà và đất.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn lại chi phí sửa chữa nhà .

6. Giành quyền khởi kiện về việc đòi tài sản cho các đồng thừa kế khác nếu chứng minh được có đầu tư sửa chữa căn nhà thừa kế sẽ khởi kiện bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

7. Chi phí thẩm định và định giá tài sản: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) bà T tự nguyện chịu.

8. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 47.650.706 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng*). Bà T, ông T2, ông N, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 03593 ngày 10/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0042709 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Việt Hồng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.HCM;
- TAND Huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS Huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Việt Hồng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Nhung    Võ Thị Kim Thương**

**Trương Việt Hồng**